NGƯỠNG ĐẦU TƯ CÔNG ĐỐI VỚI CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG: BẰNG CHỨNG TỪ CÁC ĐỊA PHƯƠNG VIỆT NAM

ThS. Lê Công Hướng[1] - TS. Trần Văn Trí[2]

Nghiên cứu xác định ngưỡng đầu tư công đối với chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển bền vững tại các địa phương Việt Nam. Dữ liệu bảng của 34 tỉnh, thành phố giai đoạn 2011-2024 được phân tích bằng mô hình dữ liệu bảng, mô hình phi tuyến bậc hai và mô hình ngưỡng dữ liệu bảng. Kết quả cho thấy tồn tại các ngưỡng đầu tư công có ý nghĩa đối với cả chuyển dịch cơ cấu ngành và hiện đại hóa cơ cấu ngành. Đối với chuyển dịch cơ cấu ngành, mối quan hệ giữa đầu tư công và chuyển dịch cơ cấu có dạng chữ U với ngưỡng khoảng 4,73% GRDP. Đối với hiện đại hóa cơ cấu ngành, mối quan hệ có dạng chữ U ngược với ngưỡng khoảng 3,94% GRDP. Kết quả cũng cho thấy hiện đại hóa cơ cấu ngành phản ứng sớm hơn so với chuyển dịch cơ cấu ngành. Nghiên cứu cung cấp bằng chứng thực nghiệm về vùng đầu tư công tối thiểu phục vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế và gợi mở cách tiếp cận quản trị đầu tư công theo ngưỡng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực công và hỗ trợ mục tiêu phát triển bền vững ở cấp địa phương.

• Từ khóa: *đầu tư công; chuyển dịch cơ cấu kinh tế; hiện đại hóa cơ cấu ngành; ngưỡng đầu tư công; phát triển bền vững; dữ liệu bảng.*

This study identifies public investment thresholds for sustainable economic structural transformation in Vietnamese localities. Panel data from 34 provinces and centrally governed cities during the period 2011-2024 are analyzed using panel data models, quadratic nonlinear models, and panel threshold models. The results reveal the existence of meaningful public investment thresholds for both structural change and industrial modernization. For structural change, the relationship between public investment and structural transformation follows a U-shaped pattern, with a threshold of approximately 4.73% of GRDP. For industrial modernization, the relationship exhibits an inverted U-shape, with a threshold of about 3.94% of GRDP. The findings also indicate that industrial modernization responds to public investment earlier than structural change. This study provides empirical evidence on a minimum public investment range that supports economic structural transformation and highlights the relevance of a threshold-based public investment governance approach for improving the efficiency of public resource allocation and promoting sustainable development at the local level.

• Key words: *public investment; economic structural transformation; industrial modernization; public investment threshold; sustainable development; panel data.*

Ngày nhận bài: 31/3/2026
Ngày gửi phản biện: 26/5/2026
Ngày duyệt đăng: 04/6/2026

DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v26.i315.11

1. Giới thiệu

Phát triển bền vững và chuyển dịch cơ cấu kinh tế là những mục tiêu quan trọng đối với các nền kinh tế đang phát triển. Trong quá trình đó, đầu tư công giữ vai trò quan trọng trong phát triển kết cấu hạ tầng và hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu kinh tế (Keynes, 1936; Barro, 1990). Tuy nhiên, hiệu quả của đầu tư công có thể thay đổi theo quy mô đầu tư và điều kiện phát triển của từng địa phương (Armey, 1995; Devarajan và cộng sự, 1996). Điều này đặt ra yêu cầu xác định mức đầu tư tối thiểu cần thiết để tạo ra những thay đổi mang tính cấu trúc đối với nền kinh tế. Mặc dù các nghiên cứu gần đây đã quan tâm đến hiệu ứng phi tuyến và hiệu ứng ngưỡng của đầu tư công (Hansen, 1999; Hassanzadeh & Barghinejad, 2022; Cerniglia & Saraceno, 2024), bằng chứng về ngưỡng đầu tư công đối với chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển bền vững ở cấp địa phương vẫn còn hạn chế.

Trên cơ sở dữ liệu của 34 tỉnh, thành phố Việt Nam giai đoạn 2011-2024, nghiên cứu này tập trung xác định ngưỡng đầu tư công đối với chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển bền vững. Cụ thể, nghiên cứu trả lời hai câu hỏi: (i) đâu là mức đầu tư công tối thiểu để quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế bắt đầu xuất hiện những thay đổi có ý nghĩa; và (ii) liệu ngưỡng này có khác nhau giữa chuyển dịch cơ cấu ngành và hiện đại hóa cơ cấu ngành hay không. Bằng việc kết hợp mô

[1] *NCS Trường Đại học Tài chính- Marketing TP. Hồ Chí Minh; email: ncs20100909@sv.ufm.edu.vn*
[2] *Trường Đại học Tài chính - Marketing TP. Hồ Chí Minh*

hình dữ liệu bảng, mô hình phi tuyến và mô hình ngưỡng dữ liệu bảng, nghiên cứu cung cấp bằng chứng thực nghiệm về vùng đầu tư công tối thiểu và gợi mở cách tiếp cận quản trị đầu tư công theo ngưỡng nhằm hỗ trợ mục tiêu phát triển bền vững.

2. Tổng quan nghiên cứu và khoảng trống nghiên cứu

Nghiên cứu về đầu tư công và chuyển dịch cơ cấu kinh tế đã được đề cập rộng rãi trong kinh tế học phát triển và tài chính công. Các nghiên cứu lý thuyết cho rằng đầu tư công có thể hỗ trợ quá trình chuyển dịch cơ cấu thông qua phát triển kết cấu hạ tầng và cải thiện điều kiện phân bổ nguồn lực (Chenery & Syrquin, 1975; Herrendorf và cộng sự, 2014). Các nghiên cứu thực nghiệm cũng ghi nhận vai trò của đầu tư công đối với chuyển đổi cơ cấu kinh tế, tuy nhiên kết quả thường khác nhau giữa các quốc gia và địa phương do chịu ảnh hưởng của trình độ phát triển, chất lượng thể chế và khả năng hấp thụ vốn (Andriansyah và cộng sự, 2020; Sun, 2021; Herrera Dappe & Lebrand, 2024). Gần đây, nhiều nghiên cứu bắt đầu chuyển từ cách tiếp cận tuyến tính sang xem xét hiệu ứng phi tuyến và hiệu ứng ngưỡng của đầu tư công, cho thấy hiệu quả của đầu tư công có thể thay đổi theo quy mô đầu tư và chỉ phát huy rõ khi đạt tới một mức nhất định (Hansen, 1999; Hassanzadeh & Barghinejad, 2022; Cerniglia & Saraceno, 2024). Tại Việt Nam, các nghiên cứu chủ yếu tập trung vào mối liên hệ giữa đầu tư công và tăng trưởng kinh tế hoặc đánh giá xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Các nghiên cứu trực tiếp về ngưỡng đầu tư công đối với chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn hạn chế và phần lớn vẫn tiếp cận theo hướng tác động trung bình (Phạm Việt Bình & Phạm Tấn Phát, 2020; Trương Công Bắc, 2021).

Từ đó, nghiên cứu này tập trung vào ba khoảng trống chính: (i) thiếu bằng chứng thực nghiệm về ngưỡng đầu tư công đối với chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở cấp địa phương; (ii) chưa xác định được vùng đầu tư công tối thiểu cần thiết để hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu kinh tế; và (iii) chưa làm rõ mối liên hệ giữa ngưỡng đầu tư công và mục tiêu phát triển bền vững. Trên cơ sở dữ liệu của 34 tỉnh, thành phố giai đoạn 2011-2024, nghiên cứu sử dụng mô hình phi tuyến và mô hình ngưỡng dữ liệu bảng nhằm xác định các ngưỡng đầu tư công có ý nghĩa đối với chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển bền vững.

3. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng dữ liệu bảng của 34 tỉnh, thành phố tại Việt Nam giai đoạn 2011-2024. Bộ dữ liệu được xây dựng từ hệ thống số liệu đã được Tổng cục Thống kê chuẩn hóa theo đơn vị hành chính hiện hành, bảo đảm tính thống nhất của chuỗi số liệu trong toàn bộ thời kỳ nghiên cứu. Các biến nghiên cứu được tổng hợp từ Niên giám thống kê Việt Nam, báo cáo thống kê địa phương và bộ dữ liệu Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI).

Để phản ánh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển bền vững, nghiên cứu sử dụng hai chỉ tiêu gồm chuyển dịch cơ cấu ngành (SC_it), phản ánh mức độ tái phân bổ nguồn lực giữa các ngành kinh tế (Chenery & Syrquin, 1975; Lilien, 1982), và hiện đại hóa cơ cấu ngành (MD_it), phản ánh mức độ dịch chuyển sang các ngành có năng suất và giá trị gia tăng cao hơn (Fagerberg, 2000; Herrendorf và cộng sự, 2014). Biến giải thích chính là đầu tư công (GINV_it), đo lường bằng tỷ lệ chi đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước trên GRDP địa phương. Các biến kiểm soát gồm đầu tư tư nhân (PINV_it), đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI_it), vốn nhân lực (HC_it), môi trường thể chế (INS_it), tỷ lệ đô thị hóa (URB_it), quy mô dân số (lnPOP_it) và lực lượng lao động (LABR_it).

Nghiên cứu sử dụng ba nhóm mô hình. Thứ nhất, mô hình dữ liệu bảng được sử dụng để kiểm định mối liên hệ giữa đầu tư công và chuyển dịch cơ cấu kinh tế:

$$Y_it = \beta 0 + \beta 1 GINV_it + \beta 2 X_it + \mu_i + \lambda_t + \varepsilon_it$$

Thứ hai, mô hình phi tuyến bậc hai được áp dụng nhằm kiểm định khả năng tồn tại quan hệ phi tuyến giữa đầu tư công và chuyển dịch cơ cấu kinh tế:

$$Y_it = \beta 0 + \beta 1 GINV_it + \beta_2 GINV_it^2 + \beta 3 X_it + \mu_i + \lambda_t + \varepsilon_it$$

Thứ ba, nghiên cứu sử dụng mô hình ngưỡng dữ liệu bảng của Hansen (1999) để xác định mức đầu tư công làm thay đổi cơ chế tác động của đầu tư công:

$$Y_it = \beta 1 GINV_it.I(GINV_it \le \gamma) + \beta 2 GINV_it.I(GINV_it > \gamma) + \beta 3 X_it + \mu_i + \varepsilon_it$$

Trong đó, γ là giá trị ngưỡng đầu tư công cần xác định. Quy trình ước lượng được thực hiện trên phần mềm Stata 17. Việc kết hợp mô hình dữ liệu bảng, mô hình phi tuyến và mô hình ngưỡng cho phép nhận diện các mức đầu tư công làm thay đổi cơ chế vận động của quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Độ tin cậy của kết quả được kiểm tra

thông qua các kiểm định độ bền và độ nhạy của ngưỡng đầu tư công.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Thực trạng đầu tư công và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Trong giai đoạn 2011-2024, đầu tư công tiếp tục giữ vai trò là một công cụ tài khóa quan trọng đối với phát triển kinh tế địa phương. Kết quả thống kê mô tả trong Bảng 1 cho thấy tỷ lệ đầu tư công trên GRDP (GINV_it) đạt trung bình 6,694%, dao động từ 0,70% đến 23,30% GRDP. Mức độ chênh lệch khá lớn này phản ánh sự khác biệt về nguồn lực ngân sách, nhu cầu đầu tư kết cấu hạ tầng và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội giữa các địa phương.

Bảng 1. Thống kê mô tả các biến nghiên cứu

Biến	Mean	SD	Min	Max
SC_it	0,0134	0,0139	0,0001	0,1483
MD_it	0,7841	0,1070	0,5041	0,9844
GINV_it (%)	6,6940	3,6759	0,7046	23,3020
PINV_it	22,2868	7,8677	0,0000	47,2496
FDI_it	6,2573	13,4182	0,0000	149,3423
HC_it	20,5494	7,9874	5,9006	53,9009
INS_it	62,3111	4,7163	45,1200	75,0860
URB_it	29,0668	15,1141	10,7500	78,1794
lnPOP_it	7,7025	0,7066	5,9735	9,5185

Nguồn: Tác giả tính toán từ dữ liệu nghiên cứu.

Đối với chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chỉ số chuyển dịch cơ cấu ngành (SC_it) đạt giá trị trung bình 0,0134, trong khi chỉ số hiện đại hóa cơ cấu ngành (MD_it) đạt 0,7841. Kết quả này cho thấy quá trình nâng cao tỷ trọng các ngành có năng suất và giá trị gia tăng cao diễn ra rõ nét hơn so với sự thay đổi trong phân bổ nguồn lực giữa các ngành kinh tế. Điều này hàm ý rằng quá trình hiện đại hóa cơ cấu kinh tế tại các địa phương có xu hướng diễn ra nhanh hơn so với quá trình tái phân bổ cơ cấu ngành theo nghĩa truyền thống.

Bảng 1 cũng cho thấy sự khác biệt đáng kể giữa các địa phương về đầu tư tư nhân, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, vốn nhân lực, chất lượng thể chế và mức độ đô thị hóa. Những khác biệt này có thể ảnh hưởng đến khả năng hấp thụ và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công, qua đó làm cho tác động của đầu tư công không đồng nhất giữa các địa phương. Đây là cơ sở thực nghiệm quan trọng để tiếp tục xem xét các quan hệ phi tuyến và xác định ngưỡng đầu tư công đối với chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong các phần tiếp theo.

4.2. Kết quả thực nghiệm

4.2.1. Kết quả mô hình tuyến tính

Kết quả ước lượng mô hình dữ liệu bảng được trình bày tại Bảng 2. Đối với chuyển dịch cơ cấu ngành (SC_it), hệ số của GINV_it mang dấu âm và có ý nghĩa thống kê, trong khi đối với hiện đại hóa cơ cấu ngành (MD_it), hệ số này mang dấu dương và có ý nghĩa thống kê. Bên cạnh đó, FDI có mối liên hệ tích cực với chuyển dịch cơ cấu ngành, còn vốn nhân lực, môi trường thể chế và đô thị hóa góp phần hỗ trợ quá trình hiện đại hóa cơ cấu kinh tế.

Tuy nhiên, các kết quả tuyến tính cho thấy mối quan hệ giữa đầu tư công và chuyển dịch cơ cấu kinh tế chưa thể được giải thích đầy đủ bằng giả định tuyến tính. Sự khác biệt về chiều hướng và mức độ phản ứng giữa SC_it và MD_it hàm ý rằng hiệu quả của đầu tư công có thể thay đổi theo quy mô đầu tư. Do đó, cần tiếp tục xem xét các quan hệ phi tuyến và hiệu ứng ngưỡng nhằm nhận diện các mức đầu tư công có ý nghĩa đối với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển bền vững.

Bảng 2. Kết quả ước lượng mô hình tuyến tính giữa đầu tư công và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Biến	SC_it (RE)	MD_it (FE)
GINV_it	-0.0008***	0.0012922***
PINV_it	0.0000	-0.0004452**
FDI_it	0.0004***	0.0000858
HC_it	-0.0001	0.0023502***
INS_it	0.0002	0.0030630***
URB_it	-0.0001**	0.0015417***
lnPOP_it	-0.0052***	-0.0368658
LABR_it	0.0000	0.0001411

*Ghi chú: ***, **, * tương ứng với mức ý nghĩa thống kê 1%, 5% và 10%.*

Nguồn: Tác giả tính toán từ dữ liệu nghiên cứu bằng Stata 17.

4.2.2. Hiệu ứng phi tuyến và ngưỡng của đầu tư công

Kết quả mô hình phi tuyến và mô hình ngưỡng dữ liệu bảng cho thấy tác động của đầu tư công thay đổi theo quy mô đầu tư. Đối với SC_it, hệ số của GINV_it mang dấu âm trong khi hệ số của $GINV_it^2$ mang dấu dương và có ý nghĩa thống kê, phản ánh quan hệ hình chữ U với điểm cực tiểu khoảng 16,86% GRDP. Điều này cho thấy tác động của đầu tư công đối với chuyển dịch cơ cấu ngành còn hạn chế ở các mức đầu tư thấp và trung bình, nhưng có xu hướng cải thiện khi quy mô đầu tư đủ lớn để tạo ra các hiệu ứng tích lũy và lan tỏa.

Ngược lại, đối với MD_it, hệ số của GINV_it mang dấu dương trong khi hệ số của $GINV_it^2$ mang dấu âm, phản ánh quan hệ hình chữ U ngược với điểm cực đại khoảng 14,76% GRDP. Kết quả này hàm ý rằng đầu tư công có thể thúc đẩy hiện

đại hóa cơ cấu kinh tế đến một mức nhất định, sau đó hiệu quả cận biên có xu hướng giảm dần.

Kết quả mô hình ngưỡng tiếp tục xác nhận sự tồn tại của các mức đầu tư công có ý nghĩa đối với chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Ngưỡng đầu tư công đối với SC_it được xác định ở mức khoảng 4,73% GRDP, trong khi ngưỡng đối với MD_it là khoảng 3,94% GRDP. Đáng chú ý, ngưỡng của MD_it thấp hơn ngưỡng của SC_it, cho thấy quá trình hiện đại hóa cơ cấu kinh tế có xu hướng phản ứng sớm hơn với đầu tư công so với quá trình tái phân bổ nguồn lực giữa các ngành.

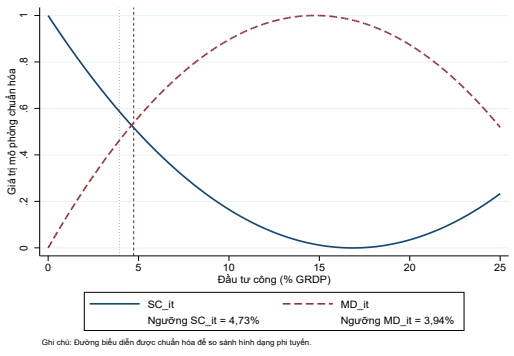
Bảng 3. Tổng hợp kết quả phi tuyến và ngưỡng đầu tư công đối với chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Nội dung	SC_it	MD_it
GINV_it	-0.0020394***	0.0039878
GINV_it²	0.0000605**	-0.0001351
Dạng quan hệ phi tuyến	Chữ U	Chữ U ngược
Điểm cực trị (% GRDP)	16,86	14,76
Ngưỡng PTR (% GRDP)	4,73	3,94
Hàm ý chính	Cần đạt mức đầu tư tối thiểu để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành	Hiện đại hóa cơ cấu kinh tế phản ứng sớm hơn với đầu tư công

*Ghi chú: ***, **, * tương ứng với mức ý nghĩa thống kê 1%, 5% và 10%.*
Nguồn: Tác giả tính toán từ dữ liệu nghiên cứu bằng Stata 17.

Hình 1 minh họa trực quan mối quan hệ phi tuyến và các ngưỡng đầu tư công đối với hai chỉ tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Kết quả cho thấy hiệu quả của đầu tư công không gia tăng tỷ lệ thuận với quy mô đầu tư mà phụ thuộc vào việc đạt được các mức đầu tư có ý nghĩa đối với quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế.

Hình 1. Quan hệ phi tuyến và ngưỡng đầu tư công đối với chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển bền vững



Nguồn: Tác giả tính toán từ dữ liệu nghiên cứu bằng Stata 17.

Hình 1 cho thấy SC_it và MD_it phản ứng khác nhau trước sự gia tăng của đầu tư công. SC_it có quan hệ chữ U với ngưỡng khoảng 4,73% GRDP, trong khi MD_it có quan hệ chữ U ngược với ngưỡng khoảng 3,94% GRDP. Kết quả này cho thấy hiện đại hóa cơ cấu kinh tế có xu hướng xuất hiện sớm hơn so với quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành.

4.2.4. Kiểm tra độ bền của kết quả

Các kiểm tra độ bền được thực hiện thông qua thay đổi phương pháp ước lượng, thay đổi đặc tả mô hình, kiểm tra điểm cực trị và kiểm tra độ nhạy của ngưỡng. Kết quả cho thấy các ngưỡng đầu tư công được duy trì ổn định.

4.3. Thảo luận về ngưỡng đầu tư công và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển bền vững

Kết quả nghiên cứu cho thấy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với đầu tư công không diễn ra đồng nhất theo quy mô đầu tư mà tồn tại các mức ngưỡng có ý nghĩa đối với cả chuyển dịch cơ cấu ngành và hiện đại hóa cơ cấu ngành. Phát hiện này hàm ý rằng hiệu quả của đầu tư công phụ thuộc vào việc nền kinh tế có đạt tới các điều kiện đầu tư tối thiểu cần thiết hay không, thay vì chỉ phụ thuộc vào quy mô vốn được phân bổ. Kết quả này phù hợp với lập luận của Rosenstein-Rodan (1943) về vai trò của "cú hích lớn" và các nghiên cứu gần đây về hiệu ứng ngưỡng của đầu tư công (Hassanzadeh & Barghinejad, 2022; Cerniglia & Saraceno, 2024).

Một phát hiện đáng chú ý là ngưỡng đầu tư công đối với hiện đại hóa cơ cấu ngành (3,94% GRDP) thấp hơn ngưỡng đối với chuyển dịch cơ cấu ngành (4,73% GRDP). Điều này cho thấy những thay đổi về chất lượng cơ cấu kinh tế có xu hướng xuất hiện sớm hơn so với những thay đổi về phân bổ nguồn lực giữa các ngành. Nói cách khác, đầu tư công có thể hỗ trợ quá trình hiện đại hóa cơ cấu kinh tế trước khi tạo ra những thay đổi rõ nét trong cơ cấu ngành theo nghĩa truyền thống.

Kết quả phi tuyến cho thấy việc vượt qua ngưỡng đầu tư tối thiểu chưa đồng nghĩa với hiệu quả tiếp tục gia tăng theo quy mô đầu tư. Khi xem xét đồng thời ngưỡng và điểm cực trị, có thể thấy ngưỡng đầu tư phản ánh điều kiện khởi phát của quá trình chuyển đổi cơ cấu, trong khi điểm cực trị phản ánh giới hạn hiệu quả của việc mở rộng đầu tư công.

Từ góc độ phát triển bền vững, kết quả nghiên cứu gợi ý rằng trọng tâm của chính sách đầu tư công không nên là tối đa hóa quy mô đầu tư mà là duy trì đầu tư công trong vùng có khả năng tạo ra những thay đổi mang tính cấu trúc đối với nền kinh tế. Việc đạt tới các ngưỡng cần thiết giúp tạo điều kiện cho quá trình hiện đại hóa cơ cấu kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh và cải thiện chất

lượng tăng trưởng trong dài hạn.

Đáng chú ý, mặc dù ngưỡng đầu tư công của SC_it và MD_it không hoàn toàn giống nhau, cả hai đều tập trung trong khoảng từ 4% đến 5% GRDP. Sự hội tụ này cho thấy có thể tồn tại một vùng đầu tư công tối thiểu mang ý nghĩa thực tiễn đối với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển bền vững ở cấp địa phương. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất cách tiếp cận quản trị đầu tư công theo ngưỡng, trong đó mục tiêu chính sách không đơn thuần là gia tăng đầu tư mà là duy trì đầu tư công trong vùng có khả năng hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu kinh tế và nâng cao chất lượng phát triển.

5. Kết luận và hàm ý chính sách

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, một số hàm ý chính sách được đề xuất nhằm hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phát triển bền vững.

Thứ nhất, cần chuyển từ tư duy quản lý đầu tư công theo quy mô sang quản trị đầu tư công theo ngưỡng phát triển. Kết quả nghiên cứu cho thấy ngưỡng đầu tư công đối với chuyển dịch cơ cấu kinh tế tập trung trong khoảng từ 4% đến 5% GRDP. Do đó, các địa phương có tỷ lệ đầu tư công thấp hơn khoảng này cần ưu tiên đầu tư vào các hạ tầng nền tảng nhằm vượt qua vùng đầu tư công tối thiểu. Ngược lại, đối với các địa phương đã vượt ngưỡng, trọng tâm chính sách nên chuyển sang nâng cao chất lượng phân bổ vốn, tăng cường liên kết với khu vực tư nhân và cải thiện hiệu quả sử dụng nguồn lực công thay vì tiếp tục mở rộng quy mô đầu tư.

Thứ hai, đầu tư công cần được sử dụng như một công cụ tài khóa phục vụ mục tiêu chuyển đổi cơ cấu kinh tế và nâng cao chất lượng phát triển. Nguồn lực đầu tư nên ưu tiên cho các lĩnh vực có khả năng tạo tác động lan tỏa lớn như hạ tầng giao thông, logistics, hạ tầng số, giáo dục, đào tạo nghề và đổi mới sáng tạo. Đây cũng là những lĩnh vực có khả năng giúp các địa phương duy trì đầu tư công trong vùng hiệu quả và tạo điều kiện cho quá trình hiện đại hóa cơ cấu kinh tế diễn ra bền vững hơn.

Thứ ba, cần hoàn thiện cơ chế đánh giá đầu tư công theo kết quả chuyển đổi cơ cấu kinh tế thay vì chỉ dựa trên tiến độ giải ngân hoặc quy mô vốn đầu tư. Việc đánh giá cần gắn với khả năng duy trì đầu tư công trong vùng ngưỡng hiệu quả, mức độ hỗ trợ hiện đại hóa cơ cấu kinh tế, thu hút đầu tư tư nhân và nâng cao năng suất. Cách tiếp cận này giúp chuyển trọng tâm của quản lý đầu tư công từ kiểm soát đầu vào sang đánh giá kết quả phát triển, qua đó nâng cao tính bền vững của chính sách tài khóa trong dài hạn.

Kết luận: Nghiên cứu xác định các ngưỡng đầu tư công có ý nghĩa đối với chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển bền vững tại 34 tỉnh, thành phố Việt Nam giai đoạn 2011-2024. Kết quả cho thấy ngưỡng đầu tư công đối với chuyển dịch cơ cấu ngành (SC_it) khoảng 4,73% GRDP và đối với hiện đại hóa cơ cấu ngành (MD_it) khoảng 3,94% GRDP. Đồng thời, hiện đại hóa cơ cấu ngành có xu hướng phản ứng sớm hơn so với chuyển dịch cơ cấu ngành. Đáng chú ý, hai ngưỡng đều tập trung trong khoảng 4%-5% GRDP, gợi ý sự tồn tại của một vùng đầu tư công tối thiểu có ý nghĩa đối với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Trên cơ sở đó, nghiên cứu cung cấp bằng chứng thực nghiệm cho cách tiếp cận quản trị đầu tư công theo ngưỡng nhằm hỗ trợ nâng cao chất lượng phát triển và thúc đẩy phát triển bền vững ở cấp địa phương.

Tài liệu tham khảo:

Andriansyah, A., Nurwanda, A., & Rifai, B. (2020). Structural change and regional economic growth in Indonesia (MPRA Paper No. 105177). Munich Personal RePEc Archive.

Armey, R. K. (1995). The freedom revolution: The new Republican House majority leader speaks out. Regnery Publishing.

Barro, R. J. (1990). Government spending in a simple model of endogenous growth. Journal of Political Economy, 98(5), S103-S125. https://doi.org/10.1086/261726

Cerniglia, F., & Saraceno, F. (Eds.). (2024). Investing in the structural transformation: 2024 European public investment outlook. Open Book Publishers. https://doi.org/10.11647/OBP.0434

Chenery, H. B., & Syrquin, M. (1975). Patterns of development, 1950-1970. Oxford University Press.

Cohen, W. M., & Levinthal, D. A. (1990). Absorptive capacity: A new perspective on learning and innovation. Administrative Science Quarterly, 35(1), 128-152. https://doi.org/10.2307/2393553

Devarajan, S., Swaroop, V., & Zou, H. F. (1996). The composition of public expenditure and economic growth. Journal of Monetary Economics, 37(2), 313-344. https://doi.org/10.1016/S0304-3932(96)90039-2

Fagerberg, J. (2000). Technological progress, structural change and productivity growth: A comparative study. Structural Change and Economic Dynamics, 11(4), 393-411. https://doi.org/10.1016/S0954-349X(00)00025-4

Hansen, B. E. (1999). Threshold effects in non-dynamic panels: Estimation, testing, and inference. Journal of Econometrics, 93(2), 345-368. https://doi.org/10.1016/S0304-4076(99)00025-1

Hassanzadeh, A., & Barghinejad, H. (2022). Threshold effects of public investment and debt on economic growth. Economic Modelling, 110, 105805. https://doi.org/10.1016/j.econmod.2022.105805

Herrendorf, B., Rogerson, R., & Valentinyi, Á. (2014). Growth and structural transformation. In P. Aghion & S. N. Durlauf (Eds.), Handbook of economic growth (Vol. 2, pp. 855-941). Elsevier. https://doi.org/10.1016/B978-0-444-53540-5.00006-9

Herrera Dappe, M., & Lebrand, M. (2024). Infrastructure and structural change in Africa. The World Bank Economic Review, 38(3), 483-513. https://doi.org/10.1093/wber/lhae002

Keynes, J. M. (1936). The general theory of employment, interest and money. Macmillan.

Lewis, W. A. (1954). Economic development with unlimited supplies of labour. The Manchester School, 22(2), 139-191. https://doi.org/10.1111/j.1467-9957.1954.tb00021.x

Lilien, D. M. (1982). Sectoral shifts and cyclical unemployment. Journal of Political Economy, 90(4), 777-793. https://doi.org/10.1086/261088

Phạm Việt Bình, & Phạm Tấn Phát. (2020). Các nhân tố tác động đến quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trên địa bàn các tỉnh khu vực duyên hải Trung Bộ. Tạp chí Công Thương, (27), 132-139.

Rosenstein-Rodan, P. N. (1943). Problems of industrialisation of Eastern and South-Eastern Europe. The Economic Journal, 53(210-211), 202-211. https://doi.org/10.2307/2226317

Sun, J. (2021). Research on the impact of transportation infrastructure on industrial structure. E3S Web of Conferences, 253, 02055. https://doi.org/10.1051/e3sconf/202125302055

Tổng cục Thống kê. (2011-2024). Niên giám thống kê Việt Nam. Nhà xuất bản Thống kê.

Trương Công Bắc. (2021). The impact of metropolises' characteristics on provincial economic structure transformation: Evidence from Vietnam. Cogent Economics & Finance, 9(1), 1937849. https://doi.org/10.1080/23322039.2021.1937849

VCCI, & USAID. (2011-2024). Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh Việt Nam (PCI) / The Viet Nam Provincial Competitiveness Index. Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

Wu, W., Liu, Y., Wu, C.-H., & Tsai, S.-B. (2023). The impact of new infrastructure construction on industrial structure optimization: Empirical evidence from China. Buildings, 13(10), 2580. https://doi.org/10.3390/buildings13102580